TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 148/2022/HSST Ngày 26 - 10 - 2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Trang
2. Ông Trần Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 135/2022/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2022/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1996 tại T; Nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện K, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Tạ Thị G; Có vợ là Nguyễn Thị H1 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Bản án số 27/2021/HSST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/10/2021; Tiền sự: Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của Chủ tịch UBND xã L, huyện K, tỉnh T áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 20/11/2020; Nhân thân: Bản án số 52/2022/HSST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện K, tỉnh T xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/8/2022. Trích xuất có mặt.

** Bị hại:* Bà Trần Thị L1, sinh năm 1969; Trú tại: Số nhà 433, đường L2, tổ 5, phường T1, thành phố T, tỉnh T. *(Vắng mặt)*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Anh V, sinh năm 1993; Trú tại: thôn T2, xã L, huyện K, tỉnh T (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 31/7/2022 Nguyễn Văn B đi xe ôtô khách từ nhà lên thành phố T để gặp bạn, khi đi đến đoạn đường L2 thuộc tổ 5, phường T1, thành phố T B xuống xe đi vào cửa hàng tạp hóa của bà Trần Thị L1 ở số nhà 433, tổ 5, phường T1, thành phố T, tỉnh T mục đích mua thuốc lá. Vào cửa hàng B nhìn thấy bà Trần Thị L1 đang nằm ngủ trên ghế sopha trong phòng khách ở tầng một, B gọi hỏi mua thuốc lá nhưng không thấy ai trả lời, B nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động màu đen để ở bậc cầu thang lên tầng 2 nên nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại bán lấy tiền tiêu sài. B quan sát thấy không có người trông coi nên đi vào trong cửa hàng đến nơi để điện thoại, dùng tay phải cầm chiếc điện thoại trên cho vào túi quần bên phải đang mặc đi ra đường bắt taxi về nhà. Khi về đến nhà, B lấy chiếc điện thoại ra kiểm tra là 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung A23 màu đen, bên ngoài được bọc bằng ốp nhựa dẻo màu trắng, mở ốp điện thoại thấy bên trong ốp có một căn cước công dân mang tên Trần Thị L1. B tháo sim điện thoại cho vào túi nilong cùng căn cước công dân của bà Liên treo trên tường trong phòng ngủ của B, còn điện thoại B sử dụng để mở video cho con trai xem. Đến trưa ngày 03/8/2022 B mang chiếc điện thoại trên đến quán sửa chữa điện thoại của anh Nguyễn Anh V bán cho anh Văn được 1.950.000 đồng, B đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/KL- HĐĐGTS ngày 05/8/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: "*Trị giá tài sản tại thời điểm định giá ngày 31/7/2022 là 4.700.000 đồng. Trong đó: Trị giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A23 là 4.600.000 đồng; trị giá 01 ốp điện thoại Samsung A23 là 100.000 đồng".*

Tại bản Cáo trạng số 150/CT-VKSTPTB ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Nguyễn Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa trong phần tranh luận, Kiểm sát viên luận tội bị cáo giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn B mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại bản án số 52/2022/HSST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện K, tỉnh T. Hình phạt chung của hai bản án buộc Nguyễn Văn B phải chấp hành từ 04 năm 06 tháng đến 04 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành

hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 05/8/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết; Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 mũ lưỡi chai màu trắng đã qua sử dụng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn B thừa nhận khoảng 13 giờ 45 phút ngày 31/7/2022 tại cửa hàng tạp hóa của bà Trần Thị L1 ở số nhà 433, đường L2, tổ 05, phường T1, thành phố T, tỉnh T bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A23, vỏ màu đen, bên ngoài bọc 01 ốp điện thoại bằng nhựa của bà Trần Thị L1 như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã mô tả, bị cáo không tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên.

Khi được trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chứng minh bằng biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 05/8/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp về thời gian, địa điểm, hành vi và loại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 31/7/2022 tại cửa hàng tạp hóa của bà Trần Thị L1 ở số nhà 433, đường L2, tổ 05, phường T1, thành phố T, tỉnh T Nguyễn Văn B đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A23 bên ngoài bọc 01 ốp điện thoại bằng nhựa dẻo trong suốt của bà Trần Thị L1 có trị giá 4.700.000 đồng với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo là người trên 18 tuổi có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi đó của Nguyễn Văn B đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và

hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là có căn cứ. Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."*

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội, cần xét xử nghiêm minh dành cho bị cáo mức hình phạt thỏa đáng mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm) theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và 01 tiền sự, ngày 20/8/2020 bị Chủ tịch UBND xã L, huyện K, tỉnh T áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 02/QĐ-UBND về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 20/11/2020; Về nhân thân: Bản án số 52/2022/HSST ngày 07/9/2022 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" chưa chấp hành án. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Từ những phân tích và nhận định trên, căn cứ vào tính chất vụ án, đặc điểm về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử lên mức án tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung và tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại bản án số 52/2022/HSST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T nay đã có hiệu lực thi hành, buộc bị cáo Nguyễn Văn B chấp hành hình phạt chung của 02 bản án theo Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại chủ sở hữu, bà Trần Thị L1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

Anh Nguyễn Anh V đã mua của bị cáo B chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A23 với giá 1.950.000 đồng nhưng B không nói cho anh Văn biết là tài sản trộm cắp mà có, khi vụ án bị phát hiện anh Văn đã tự nguyện nộp lại

cho Cơ quan điều tra và không yêu cầu bị cáo bồi hoàn lại số tiền trên nên không đặt ra giải quyết.

Đối với 01 mũ lưỡi chai màu trắng, đã cũ quản lý của bị cáo không còn giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01(một) năm tù, tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù của bản án số 52/2022/HSST ngày 07/9/2022 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T. Hình phạt chung của 02 bản án buộc Nguyễn Văn B phải chấp hành là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 05/8/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại chủ sở hữu, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu để tiêu hủy 01 mũ lưỡi chai màu trắng đã cũ có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2022.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kế từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/10/2022. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình;
- CQCSĐT Công an TP. Thái Bình;
- CQTHAHS Công an TP. Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Sơn